

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

*Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/8/2020 về việc "Ly hôn"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức P và bà Cao Thị C.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu T - Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị T- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2020/TLST-
HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 36/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang N, sinh năm 1976 (có mặt tại phiên tòa);

HKTT: Tổ 7, phường V, quận H, thành phố H.

Hiện cư trú tại: Khu 6, xã D, huyện T, tỉnh P

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt tại phiên
tòa).

HKTT: Đường L, khu T, phường V, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2020, bản tự khai và lời khai tại Tòa án,
nguyên đơn anh Nguyễn Quang N trình bày: Anh N kết hôn với chị Nguyễn Thị T
24/5/2019. Trước khi kết hôn anh N và chị T có thời gian tìm hiểu, tự nguyện và
có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B tỉnh B. Sau khi
kết hôn anh N về chung sống cùng chị T tại nhà riêng của chị T ở đường Lê Văn
D, khu T, phường V, thành phố B, tỉnh B. Quá trình chung sống vợ chồng sống
hòa thuận được 07 tháng, đến đầu tháng 12/2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên
nhân do đặc thù công việc của anh phải làm xa, lao động thời vụ ở nhà hàng khi
làm ở H, V, H thỉnh thoảng anh về nhà. Thời gian anh sống cùng chị T, mâu thuẫn

vợ chồng phát sinh do cả đôi bên lời qua tiếng lại không đồng nhất, trong sinh hoạt hàng ngày chị T có lời lẽ, cư xử khiến anh không hài lòng. Dịp giáp tết Nguyên đán do tình hình dịch bệnh, nhà hàng quán xá làm ăn không tốt nên anh đi làm không đều, lúc đi lúc nghỉ, anh về quê P ở thỉnh thoảng có về sống cùng chị T, thời gian vợ chồng sống cùng nhau nảy sinh bất đồng quan điểm làm tình cảm vợ chồng có dạn nứt. Anh về P sống với mẹ đẻ một thời gian, sau đó anh dọn đồ mang đi, anh và chị T sống ly thân từ tháng 03/2020 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Thời gian sống ly thân anh muốn cả hai bình tĩnh nghĩ lại, hàn gắn tình cảm, thậm chí trong quá trình giải quyết Tòa án có dành thời gian để hai vợ chồng suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Tòa án hòa giải, anh và chị Trang xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau và thuận tình ly hôn, sau đó chị T thay đổi nội dung thỏa thuận không đồng ý ly hôn. Tòa án tạo điều kiện cho các bên có thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng chị T và anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn và xác định không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Trang và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị xác nhận anh N trình bày về thời gian kết hôn, chung sống cùng nhau là đúng. Theo chị Trang nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị và anh N trong sinh hoạt ứng xử hai vợ chồng có nói năng làm cho nhau không hài lòng, không đồng nhất quan điểm. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên đồng ý chia tay để giải phóng cho đôi bên. Tòa án hòa giải, chị và anh N xác định không còn tình cảm cùng thuận tình ly hôn, sau đó chị có đơn xin thay đổi nội dung thỏa thuận và không đồng ý ly hôn. Tòa án cho thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị và anh N cũng không có biện pháp gì để hàn gắn. Sau đó chị T có văn bản gửi Tòa án xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được và đồng ý ly hôn anh N, đồng thời chị xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại Tòa án. Anh N xin được ly hôn chị T. Vấn đề con chung, tài sản chung, công nợ không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày quan điểm đồng ý ly hôn anh N do chị bận đi làm nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Cả Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh Nguyễn Quang N và chị Nguyễn Thị T. Về con chung, tài sản chung, công nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Quang N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án báo các đương sự đến làm việc, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24/4/2020 cả hai đương sự đều xác định mâu thuẫn tính cách không hợp nhau, không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được và đề nghị Tòa án ghi nhận thuận tình ly hôn để giải phóng cho đôi bên tranh mất thời gian của Tòa án cũng như anh, chị đỡ phải đi lại. Ngày 29/6/2020 chị T có đơn thay đổi thỏa thuận chị không đồng ý ly hôn anh Niên với lý do chị muốn có thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị đưa ra biện pháp sẽ cố gắng thuyết phục anh N rút đơn ly hôn. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số, giấy báo phiên tòa mở vào ngày 21/8/2020 cho chị T. Sau đó Tòa án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị Trang vì lý do bận đi làm và chị bày tỏ quan điểm chị xác định không thể chung sống cùng anh Niên và đồng ý ly hôn anh N. Hội đồng xét xử xét đề nghị của chị T hoàn toàn tự nguyện và chính đáng phù hợp pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử xử xem xét nguyện vọng của chị và xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị T kết hôn ngày 24/5/2019 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố B, tỉnh B trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Như vậy anh N và chị T đã tuân thủ đầy đủ các quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh N và chị T nói chung, đôi bên có lời lẽ khiến cho cả hai phải suy nghĩ, không hài lòng với nhau. Tại phiên tòa anh Niên giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị T. Chị T vắng mặt tại phiên tòa vì lý do bận đi làm và xin xét xử vắng mặt chị, đồng thời chị có quan điểm giữa chị và anh N có mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, con chung, tài sản chung, công nợ không có và

đồng ý ly hôn anh N. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn, yêu cầu xin ly hôn của anh N là có căn cứ, mâu thuẫn giữa anh N và chị T có thực, đã xảy ra khó có thể hàn gắn đoàn tụ. Anh N, chị T đã sống ly thân từ tháng 03/2020 cho đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm; Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho anh N được ly hôn chị Trang.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 146, 147, 204, 220, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang N về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang N được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung, tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2019/0000260 ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, CCTHADS thành phố Bắc Ninh;
- UBND p. Vũ Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng

